

Yêu cầu của việc dạy học đọc hiểu văn bản đa phương thức trong môn Ngữ văn

Trần Thị Ngọc

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên
20 Lương Ngọc Quyến, thành phố Thái Nguyên,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
Email: tranngoc1512288@gmail.com

TÓM TẮT: Bài viết đề cập đến vấn đề yêu cầu của việc dạy học đọc hiểu văn bản đa phương thức trong môn Ngữ văn. Trong bài viết, tác giả chỉ rõ: 1/ Đặc điểm của văn bản đa phương thức; 2/ Yêu cầu của việc dạy học đọc hiểu văn bản đa phương thức, trong đó cần đáp ứng các yêu cầu chung của dạy học đọc hiểu văn bản và đảm bảo các yêu cầu riêng của dạy học đọc hiểu văn bản đa phương thức. Để thực hiện tốt và hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông Ngữ văn mới, mỗi giáo viên cần nắm được đặc điểm và yêu cầu của việc dạy học đọc hiểu văn bản đa phương thức.

TỪ KHÓA: Văn bản; văn bản đa phương thức; yêu cầu; dạy học đọc hiểu.

→ Nhận bài 17/11/2019 → Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa 02/12/2019 → Duyệt đăng 25/01/2020.

1. Đặt vấn đề

Thực tế trong nhà trường phổ thông Việt Nam hiện nay cho thấy, tuy học sinh (HS) chưa được học cách đọc văn bản (VB) đa phương thức nhưng đã phải tiếp xúc với rất nhiều VB đa phương thức ở các môn học khác nhau. Trong khi đó, môn Ngữ văn là môn học công cụ có nhiệm vụ hình thành và phát triển cho HS năng lực giao tiếp, trong đó có giao tiếp đa phương thức thì chưa dạy cho HS cách đọc loại VB này. Các tài liệu hỗ trợ giáo viên (GV) và HS trong quá trình dạy học như sách GV, sách bài tập chưa chú ý khai thác VB đa phương thức. Với yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) môn Ngữ văn mới, VB đa phương thức rất được chú ý, “Ngoài nhiệm vụ hình thành, phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Việt, ngoại ngữ và tiếng dân tộc thiểu số, giáo dục ngôn ngữ và văn học còn giúp HS sử dụng hiệu quả những phương tiện giao tiếp khác như hình ảnh, biểu tượng, kí hiệu, sơ đồ, đồ thị, bảng biểu... Giáo dục ngôn ngữ được thực hiện ở tất cả các môn học, trong đó môn Ngữ văn, Ngoại ngữ và Tiếng dân tộc thiểu số có vai trò chủ đạo. Giáo dục văn học được thực hiện chủ yếu ở môn Ngữ văn” [1, tr.14]. Theo đó, để đáp ứng được yêu cầu của việc dạy học đọc hiểu (ĐH) VB trong chương trình Ngữ văn mới, người GV cần nắm vững được đặc điểm của VB đa phương thức và yêu cầu của việc dạy học ĐH loại VB này. Trong khuôn khổ của bài viết, chúng tôi trình bày đặc điểm và yêu cầu của việc dạy học ĐH VB đa phương thức thuộc lĩnh vực thông tin.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Đặc điểm của văn bản đa phương thức

2.1.1. Đặc điểm chung của văn bản đa phương thức

- **VB đa phương thức có tính phổ biến:** Trong học tập và cuộc sống, con người thường xuyên tiếp xúc và sử dụng VB đa phương thức. Khi công nghệ - truyền thông kĩ thuật số chưa phát triển như bây giờ, ngay trong nhà trường, loại VB này đã xuất hiện trong những bài học của sách giáo khoa Khoa học, Công nghệ, Thủ công, Mĩ thuật, Âm nhạc, sách

khoa học thường thức, báo chí các loại... Đặc biệt ngày nay, với sự phát triển mạnh mẽ của các phương tiện truyền thông, việc giao tiếp của con người không chỉ thực hiện một cách truyền thống chỉ thông qua giấy tờ, sách ảnh, tạp chí, tiểu thuyết hay sách chứa thông tin mà còn được thực hiện qua máy tính, internet, email, các phương tiện nghe nhìn như radio, tivi, video hay DVD.

- **VB đa phương thức có tính đa dạng:** VB đa phương thức thường đề cập đến những nội dung thuộc nhiều lĩnh vực khoa học, văn hóa, kĩ thuật, công nghệ, toán học, xã hội - nhân văn... như: Một bài báo khoa học (hiện tượng Enino, nhật thực, nguyệt thực, động đất, núi lửa, sóng thần, các loài hoa, hang động thiên nhiên...), một bài viết giới thiệu sản phẩm (sách, máy móc, thuốc men...), một VB hướng dẫn luật, hướng dẫn sử dụng sản phẩm, một bảng hướng dẫn tàu xe... Với nội dung phong phú, VB đa phương thức được vận dụng dưới rất nhiều dạng thức: Bài báo, tạp chí, tài liệu giáo khoa, các VB dùng tại các cửa hàng mua bán, tiêu dùng (hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn, tài liệu và trang web), VB điện tử.

VB đa phương thức có sự kết hợp của nhiều phương thức thể hiện khác nhau nên HS phải huy động nhiều giác quan để ĐH: Thị giác (đọc chữ, xem hình: Tranh ảnh, hình vẽ, sơ đồ, đồ thị, bảng biểu...); thính giác (nghe âm thanh); xúc giác (cảm nhận vật thể). Điều này khác biệt so với việc HS chỉ sử dụng thị giác khi đọc VB đơn phương thức.

- **VB đa phương thức có tính khoa học:** Ngôn từ trong các VB đa phương thức thuộc lĩnh vực thông tin có mục đích chính là cung cấp thông tin nên thường mang tính chính xác, cụ thể, ít sử dụng biểu tượng và các biện pháp tu từ. Ở một số VB đa phương thức, người đọc có thể gặp những từ ngữ phức tạp mà họ ít gặp trong đời sống hàng ngày, đó có thể là lớp từ ngữ học thuật về một chuyên ngành (y học, hóa học, vật lí...), đòi hỏi người đọc phải có những kiến thức nền về chủ đề của VB mới có thể hiểu được trọn vẹn nội dung mà VB truyền tải.

Một VB đa phương thức trở nên hoàn chỉnh khi các yếu

tổ tạo thành VB đó có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, góp phần làm sáng tỏ thông tin chính, hấp dẫn người theo dõi. Nói cách khác, mỗi phương tiện biểu đạt (kênh chữ, kênh hình, kênh âm thanh) có một ý nghĩa, vai trò nhất định trong việc tạo ra một VB đa phương thức hoàn chỉnh.

- **VB đa phương thức có tính hàm súc:** Việc sử dụng kênh hình, cụ thể là hình ảnh, sơ đồ, biểu đồ, bảng biểu để trình bày thông tin trong các VB đa phương thức làm cho dung lượng của VB trở nên ngắn gọn, từ đó giúp người đọc nắm bắt và ghi nhớ thông tin một cách nhanh chóng, bền lâu. Tờ rơi, infographic, biển quảng cáo là những ví dụ về tính hàm súc của VB đa phương thức khi dung lượng ít nhưng nội dung thông tin truyền tải rất phong phú, đa dạng.

2.1.2. Đặc điểm của văn bản đa phương thức trong môn Ngữ văn

Bên cạnh những đặc điểm chung của VB đa phương thức, VB đa phương thức trong môn Ngữ văn thuộc lĩnh vực thông tin có những đặc điểm cơ bản sau:

Với CTGDPT môn Ngữ văn mới, người GV được trao quyền trong việc lựa chọn ngữ liệu. Đây là điểm mới có ý nghĩa quan trọng, góp phần phá bỏ rào cản của sự rập khuôn máy móc trước đó, tạo điều kiện để người GV tích cực tìm tòi, đổi mới, sáng tạo trong giảng dạy. Theo đó, về mặt nội dung, các VB đa phương thức trong môn Ngữ văn có nội dung phong phú, đa dạng, những vấn đề xã hội vốn khô khan như môi trường, dân số, tệ nạn xã hội sẽ trở nên sống động, gần gũi và hấp dẫn HS khi các VB ĐH có sự kết hợp của nhiều phương thức biểu đạt. Ví dụ, trong chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn 8 hiện hành, HS sẽ học một số VB thông tin như: *Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000*, *Ôn dịch thuốc lá*, *Bài toán dân số*. Đây là các VB đơn phương thức, được trình bày bằng một phương thức biểu đạt là chữ viết. Nếu thay ba VB trên bằng ba VB đa phương thức cùng chủ đề là: *Những tác hại khôn lường túi nilon gây ra cho sức khỏe và môi trường* (<https://www.webtretho.com/f/meo-hay-suc-khoe-va-doi-song/nhung-tac-hai-khon-luong-tui-nylon-gay-ra-cho-suc-khoe-va-moi-truong-2590750>), *Tác hại của thuốc lá đối với sức khỏe con người, môi trường, đời sống!* (<https://namlimxanh.vn/moi-nguy-hai-tu-khoi-thuoc-la.html>), *Già hóa dân số khủng khiếp, nhưng liệu có thể thờ ơ với bùng nổ dân số?* (<http://cafef.vn/gia-hoa-dan-so-khung-khiep-nhung-lieu-co-the-tho-oi-voi-bung-no-dan-so-2019092217223266.chn>) thì chắc chắn người học sẽ hứng thú hơn khi ĐH VB, từ đó hiệu quả của việc dạy học sẽ cao hơn. Như vậy, trên thực tế, VB đa phương thức trong bộ môn Ngữ văn đang có rất nhiều cơ hội cũng như nhu cầu phát triển trong thời điểm hiện tại. Căn cứ vào mục tiêu dạy học, chủ đề của bài học, GV có thể lựa chọn VB đa phương thức từ nhiều nguồn khác nhau như: Sách, báo, tạp chí, internet...

Về mặt hình thức, các phương tiện biểu đạt (kênh): Kênh chữ, kênh hình và kênh âm thanh trong VB đa phương thức thuộc lĩnh vực thông tin có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi tập trung khai thác mối quan hệ giữa các kênh trong VB đa phương thức có sự

kết hợp giữa kênh chữ và kênh hình tĩnh. Theo đó, kênh hình tĩnh có ba tác dụng:

Cung cấp thông tin: Hình ảnh trong VB đa phương thức đã hàm chứa thông tin truyền tải, không phải chỉ là hình minh họa. Nếu thiếu kênh hình thì người đọc sẽ không nắm được đầy đủ nội dung mà VB thể hiện. Sơ đồ cung cấp các thông tin đã được đơn giản hóa, giúp người đọc hiểu các bước, quá trình cấu tạo hay hoạt động của sự vật, hiểu trình tự của sự kiện; biểu đồ, đồ thị, bảng biểu cung cấp các số liệu, giúp người đọc hiểu mối quan hệ giữa các yếu tố, dễ dàng tóm tắt và so sánh các thông tin; các đường chỉ dẫn giúp người đọc có được hiểu được đúng trình tự phát triển của sự vật, hiện tượng...

Bổ sung, làm rõ thông tin biểu đạt bằng kênh chữ: Nếu chỉ có kênh chữ thì người đọc vẫn nắm được thông tin nhưng có thể không hiểu được đầy đủ thông tin. Với lợi thế nhất định của hình ảnh so với ngôn ngữ, tranh ảnh, hình vẽ trên các bài báo, tạp chí, sách giáo khoa... có tác dụng giúp người đọc dễ dàng, nhanh chóng hiểu được nội dung mà kênh chữ truyền tải.

Tác động đến tình cảm của người đọc: Khi xem các hình ảnh (ảnh chụp hoặc vẽ) xuất hiện trong VB đa phương thức, nó sẽ tác động tới cảm xúc giúp người đọc hình dung, tưởng tượng về sự vật, hiện tượng được đề cập tới đồng thời tạo cảm xúc cho người đọc.

Ví dụ: Khi đọc VB *Những tác hại khôn lường túi nilon gây ra cho sức khỏe và môi trường* (<https://www.webtretho.com/f/meo-hay-suc-khoe-va-doi-song/nhung-tac-hai-khon-luong-tui-nylon-gay-ra-cho-suc-khoe-va-moi-truong-2590750>), người đọc sẽ thấy rõ mối quan hệ chặt chẽ giữa kênh hình tĩnh và kênh chữ trong VB này. VB sử dụng sáu hình ảnh: Đốt túi nilon cạnh nhà máy, túi nilon chất thành đống ở đường, đốt túi nilon ở gần nơi sinh sống của người dân, túi nilon ngập tràn ở bờ biển, rửa ăn túi nilon, túi vải không dệt thân thiện với môi trường. Những hình ảnh trên giúp người đọc biết chính xác được cảnh, sự vật được nói đến trong bài viết, từ đó hiểu thông tin chính xác hơn, nhanh và hiệu quả hơn. Trong khi đó, kênh chữ cũng thông tin về thực trạng sử dụng túi nilon, tác hại của việc sử dụng túi nilon và giải pháp khắc phục. Như vậy, có thể thấy, kênh chữ và kênh hình có mối quan hệ chặt chẽ với nhau trong việc chỉ ra thông tin chung của VB “Những tác hại khôn lường túi nilon gây ra cho sức khỏe và môi trường”, cùng bổ sung, hỗ trợ cho nhau, giúp người đọc hiểu được trọn vẹn nội dung thông tin của VB.

2.2. Yêu cầu của dạy học đọc hiểu văn bản đa phương thức

2.2.1. Đáp ứng các yêu cầu chung của dạy học đọc hiểu văn bản a. Yêu cầu về mục tiêu

Trong nhà trường phổ thông, đối tượng đọc của HS gồm VB văn học, VB nhật dụng (VB thông tin) và VB nghị luận. Mỗi kiểu VB có những đặc điểm riêng song để tạo thành một VB hoàn chỉnh thì mỗi VB đó đều cần đảm bảo tính chỉnh thể về mặt nội dung và hình thức. Đồng thời, mỗi VB được tạo ra đều chứa đựng tư tưởng, tình cảm, thái độ của

người viết. Vì vậy, mục tiêu thứ nhất của việc dạy ĐH VB là tổ chức cho HS đọc và hiểu được VB: Nhận biết, phân tích, đánh giá được nội dung và đặc điểm nổi bật về hình thức biểu đạt của VB; Nhận ra tư tưởng, tình cảm, thái độ của người viết; Biết so sánh VB này với VB khác, liên hệ với những trải nghiệm cuộc sống của cá nhân, từ đó có cách nhìn, cách nghĩ và những cảm nhận riêng về cuộc sống, làm giàu đời sống tinh thần.

Sự phát triển của đời sống xã hội đã tạo ra những thay đổi nhất định trong điểm xuất phát của người học. Ngày nay, HS được xuất phát từ một mặt bằng văn hóa tổng hợp khá cao. Các em có điều kiện học tập trong bối cảnh văn hóa đa dạng với công cụ và phương tiện giao tiếp rộng, nhanh nhạy, biết ngoại ngữ, cập nhật thông tin thường xuyên, có cơ hội tiếp xúc các nguồn VB được mở rộng. Trên đường, ở nhà hay trường học, các em đều có thể tiếp xúc với các VB trên giấy hay màn hình chứa hình ảnh, từ ngữ và âm thanh... Đó là cơ hội để HS phát triển, tuy nhiên đó cũng là thách thức làm cho việc dạy học ĐH VB ở Việt Nam cần có những thay đổi nếu không muốn tạo ra thế hệ HS lạc hậu. Điều đó lí giải vì sao PISA chủ trương coi trình độ ĐH là một trong ba lĩnh vực chủ yếu để xác định năng lực HS giai đoạn cuối của giáo dục bắt buộc. Để đáp ứng yêu cầu của xã hội hiện đại đối với mỗi cá nhân và cộng đồng, để đào tạo và chuẩn bị cho xã hội một lực lượng lao động có trình độ, mục tiêu thứ hai của dạy học ĐH VB trong trường phổ thông là hình thành và phát triển kĩ năng đọc cho HS hay nói cách khác là giúp HS có cách ĐH để các em có thể tự đọc được các kiểu, loại VB khác nhau với nội dung và hình thức biểu đạt có độ phức tạp tăng dần qua từng lớp học, có thói quen tìm tòi, mở rộng phạm vi đọc. Qua đó, góp phần giúp HS bồi dưỡng và nâng cao năng lực ĐH VB trong các môn khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, giúp HS lĩnh hội tốt hơn tri thức và kĩ năng của các môn học này để nâng cao kết quả học tập nói chung.

b. Yêu cầu về nội dung

Để đáp ứng hai mục tiêu nêu trên, trong quá trình dạy học ĐH VB, người GV cần hướng dẫn HS:

- Chỉ ra và phân tích được đề tài, chủ đề, tư tưởng của VB, tình cảm và thái độ của tác giả. Trước hết, GV cần hướng dẫn người đọc khám phá vỏ bọc bên ngoài của VB như: Ngôn từ, hình ảnh, kí hiệu... để trả lời cho các câu hỏi: VB nói về vấn đề gì? Cái gì xảy ra, với ai, khi nào, ở đâu, vì sao? Từ đó nhận biết, giải thích, phân tích, đánh giá đề tài, chủ đề, tư tưởng của VB. Mỗi VB được tạo ra, người viết - tác giả đều gửi gắm tình cảm, thái độ của mình. Vì vậy, sau khi chỉ ra và phân tích được đề tài, chủ đề, tư tưởng của VB - tác phẩm, GV cần hướng dẫn HS khám phá để hiểu được thông điệp, tư tưởng, tình cảm và thái độ của tác giả trong VB.

Ví dụ, trong CT GDPT môn Ngữ văn mới, các yêu cầu về ĐH VB văn học được nhóm biên soạn cụ thể hóa như sau: “Ở lớp 6 và lớp 7: Nhận biết được đề tài, hiểu được chủ đề, ý nghĩa của văn bản đã đọc; nhận biết được truyện dân gian, truyện ngắn, thơ trữ tình và thơ tự sự; Kí trữ tình và kí tự sự;

Nhận biết được chủ thể trữ tình, nhân vật trữ tình và giá trị biểu cảm, giá trị nhận thức của tác phẩm văn học. Ở lớp 8 và lớp 9: Hiểu được thông điệp, tư tưởng, tình cảm và thái độ của tác giả trong VB; Nhận biết được kịch bản văn học, tiểu thuyết và truyện thơ Nôm, thơ cách luật và thơ tự do, bi kịch và hài kịch”. Với VB thông tin, HS lớp 7, 8, 9, cần: Nhận biết, phân tích được thông tin cơ bản của VB; Nhận biết, phân tích, đánh giá được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của VB.

- Nêu được sự độc đáo của các hình thức biểu đạt và chỉ ra tác dụng của chúng trong việc thể hiện nội dung, tư tưởng... Mỗi VB được tạo thành nhờ sự kết hợp của một hay một số phương tiện thể hiện như: Kênh chữ, kênh hình ảnh, kênh âm thanh. Với kênh chữ, người đọc - HS cần nêu và chỉ ra tác dụng của nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ, gồm: Phân tích, đánh giá sự phù hợp, nét đặc sắc trong cách dùng từ ngữ, viết câu, vận dụng các biện pháp tu từ, tổ chức diễn ngôn. Với kênh hình, có hai loại hình ảnh là hình ảnh tĩnh và hình ảnh động. Mỗi loại hình ảnh khác nhau như: ảnh chụp, tranh vẽ, sơ đồ, bảng biểu, biểu đồ, kí hiệu, hình ảnh động đều mang một ý nghĩa nhất định trong việc tạo nghĩa của VB. Vì vậy, bạn đọc - HS cần nhận ra và nêu được tác dụng của mỗi yếu tố trên. Với kênh âm thanh, cần xác định đó là loại âm thanh gì (âm nhạc, tiếng động, hiệu ứng âm thanh, các khoảng lặng...)? Cao độ, trường độ, cường độ của nó ra sao...? Tất cả đều thể hiện dụng ý của người sử dụng. Sau khi nhận biết và phân tích được tác dụng của các yếu tố tạo thành VB. Người học cần phân tích được mối quan hệ của các hình thức biểu đạt đó trong việc tạo nên tính chỉnh thể của VB.

c. Yêu cầu về phương pháp và phương tiện

** Yêu cầu về phương pháp*

Dạy ĐH VB là một hoạt động và quá trình rất công phu, phải dạy cho từng người học trưởng thành trong năng lực ĐH vì thế phương thức dạy và sự tham gia trực tiếp của HS vào quá trình này có ý nghĩa quyết định then chốt đối với thành công của bộ môn. Hệ thống hoạt động dạy học, các hoạt động trên lớp của HS ngày càng có yêu cầu cao. Yếu tố giảng giải, phân tích, bình chú và niềm say mê của GV vẫn rất có ích đối với HS nếu GV biết vận dụng đúng liều lượng, đúng chỗ, kích thích được hứng thú học tập của HS. Nhưng bản chất môn ĐH VB không phải như giảng văn trước đây. GV chỉ nên là người hướng dẫn, dìu dắt, nêu vấn đề để HS trao đổi, thảo luận. GV là người dạy về phương pháp đọc chứ không phải đọc thay, đọc giùm, biến HS thành thính giả thụ động của mình. Vì vậy, GV cần tổ chức các hoạt động dạy học ĐH VB sao cho khi kết thúc mỗi cấp lớp, HS đạt được các yêu cầu cần đạt mà CTGDPT môn Ngữ văn đã đề ra. Theo chúng tôi, có nhiều hoạt động nhưng cần thống nhất một số hoạt động quan trọng của giờ dạy ĐH như sau:

Tổ chức cho HS đọc và làm việc trực tiếp với VB. Tức là cho HS tiếp xúc trực tiếp với VB cần ĐH, đọc bằng mắt, đọc to hay đọc thầm, đọc ở nhà hay đọc trên lớp, tùy từng bài, từng GV nhưng yêu cầu chung là HS phải trực tiếp đọc

VB. Kết thúc hoạt động này, HS cần nắm được nội dung khái quát của VB: Đề tài, cốt truyện, hệ thống nhân vật, các từ ngữ, hình ảnh, kí hiệu, bố cục có gì đặc biệt, ấn tượng nổi bật về nội dung và hình thức VB...

Tổ chức cho HS tìm hiểu giá trị của VB trong mối quan hệ giữa nội dung và hình thức VB. Đây là bước tìm hiểu cụ thể, từ bề nổi đến những thông điệp chìm khuất, từ hình thức (các phương tiện thể hiện) đến nội dung (chủ đề đến tư tưởng, thái độ tình cảm của người viết). Để khám phá VB, cần tập trung trả lời các câu hỏi: *Để hiểu VB này, chúng ta cần bắt đầu từ đâu? Chú ý các yếu tố hình thức nào? Tác dụng của chúng?...* Tuy nhiên, do thời gian trên lớp học có hạn nên GV cần chọn một số điểm quan trọng, nêu thành các công việc cụ thể để yêu cầu HS suy nghĩ, tự tìm hiểu. Căn cứ để xác định những nội dung chính của VB là bám sát yêu cầu cần đạt của CTGDPT môn Ngữ văn.

Tổ chức cho HS kết nối, liên hệ, so sánh với bối cảnh xã hội - văn hóa (XH - VH), kinh nghiệm bản thân... để hiểu sâu hơn VB và chính bản thân mình. Nhà nghiên cứu Trần Đình Sử trong bài viết *Dạy học Văn là dạy HS ĐH VB* cho rằng: “Đọc là quá trình liên hệ với các VB có trước trong mối liên hệ liên VB rất rộng lớn và sâu sắc. Đọc là quá trình liên hệ với ngữ cảnh của VB - sáng tác của nhà văn, bối cảnh lịch sử, xã hội” [2, tr. 20]. Đồng tình với quan niệm trên, trong bài viết *Hình thành năng lực đọc cho HS trong dạy học Ngữ văn*, tác giả Nguyễn Trọng Hoàn nhấn mạnh: “Đọc văn chính là đọc người, đọc nhân cách nhà văn và để hoàn thiện nhân cách mình... và đọc văn bao giờ cũng gắn với một ngữ cảnh nhất định” [3, tr. 29]. Như vậy, có thể thấy, bối cảnh XH - VH có ảnh hưởng không nhỏ tới quá trình ĐH VB của người đọc - HS. Ngoài ra, kinh nghiệm của bản thân hay chính là kiến thức nền của người học sẽ chi phối đến quá trình người đọc hiểu sâu hơn VB và chính bản thân mình. Lí giải vì sao GV cần khơi gợi kiến thức nền của HS trong quá trình đọc VB, Drapper (2010) viết: “Người đọc luôn luôn đem những kinh nghiệm, kiến thức, hiểu biết trước đó của họ vào VB và có thể sử dụng chúng để liên hệ”. Theo tác giả, có ba loại liên hệ mà người đọc có thể thực hiện trong quá trình đọc: Liên hệ bản thân, liên hệ với cuộc sống, liên hệ với các VB khác. GV có thể sử dụng một số câu hỏi sau để hướng dẫn HS thực hiện ba loại liên hệ trên: VB/chi tiết/sự kiện gợi nhớ điều gì về cuộc sống của em? Điều này có liên quan đến cuộc sống của em không? Em cảm thấy thế nào khi đọc VB này? VB gợi em liên tưởng tới VB nào khác mà em đã đọc? VB này có điểm gì giống với những VB khác? Điểm khác biệt giữa VB này và VB ... là gì? VB này gợi em nhớ điều gì về thế giới xung quanh? Điều này có gì khác với thực tế mà em biết?... Như vậy, có thể thấy, bối cảnh XH - VH có ảnh hưởng không nhỏ tới quá trình ĐH VB của người đọc - HS. Ngoài ra, kinh nghiệm của bản thân hay chính là kiến thức nền của người học sẽ chi phối đến quá trình người đọc hiểu sâu hơn VB và chính bản thân mình.

* *Yêu cầu về phương tiện*

Trong dạy học ĐH VB, GV cần tận dụng và phát huy thế

manh của đa phương tiện nhưng vẫn bảo đảm đặc trưng môn học và yêu cầu ĐH VB. Bên cạnh các phương tiện truyền thống như tranh ảnh, sơ đồ, bảng biểu, môn Ngữ văn nói chung và phần ĐH VB nói riêng đều có thể sử dụng phương tiện dạy học hiện đại như: Một số bộ phim hoạt hình, phim truyện được chuyển thể từ các tác phẩm văn học hoặc các CD, video clip ghi một số vở diễn từ các kịch bản văn học để HS so sánh VB gốc với VB được chuyển thể; Các băng đĩa CD ghi bản nhạc được phổ từ các bài thơ đã chọn làm ngữ liệu dạy học hay một số văn bản đọc mở rộng, các cuộc giao lưu, nói chuyện chuyên đề của các nhà văn, nhà nghiên cứu, phê bình văn học; Các phần mềm thiết kế bài giảng điện tử để trình bày kiến thức khoa học, hấp dẫn. Tuy nhiên, việc ứng dụng cần thích hợp, tránh lạm dụng các phương tiện, ảnh hưởng đến chất lượng của giờ dạy ĐH VB và khả năng tiếp nhận VB của HS. GV cần đặt ra nhiều câu hỏi để trả lời trước khi vận dụng: Ứng dụng những gì? Ứng dụng vào bài nào? Khi nào? Và bằng cách nào?

d. Yêu cầu về đánh giá kết quả đọc hiểu

Theo Phạm Thị Thu Hiền: “Đánh giá kết quả ĐH được hiểu chung là sự đối chiếu kết quả đạt được của người học với mục tiêu của dạy học ĐH VB đã đề ra” [4, tr. 171]. Do đó, đánh giá kết quả ĐH sẽ nhằm mục đích đánh giá kết quả hiểu một VB cụ thể và đánh giá cách ĐH VB của HS.

- Đánh giá kết quả hiểu một VB cụ thể. CTGDPT môn Ngữ văn sử dụng một số động từ để thể hiện mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về năng lực của HS: Biết, hiểu, vận dụng. Trong quá trình đánh giá kết quả hiểu một VB cụ thể, GV có thể dùng những động từ trên hoặc thay thế bằng các động từ có nghĩa tương đương, sao cho phù hợp với tình huống sự phạm và nhiệm vụ cụ thể giao cho HS. Cụ thể:

Nhận biết: Đặc điểm kiểu VB, thể loại; Tính toàn vẹn, chỉnh thể của VB; Lí lẽ, bằng chứng, thông tin; Biện pháp tu từ;...

Thông hiểu: Xác định đề tài, thông tin, cảm hứng chủ đạo; phân tích chủ đề, thông điệp, tình cảm, cảm xúc của người viết; cách triển khai ý tưởng; Đặc điểm kiểu VB, thể loại; giải thích tác dụng của biện pháp tu từ; tóm tắt các ý chính của một đoạn, nội dung của VB; Nhận xét, đánh giá nội dung, hình thức, cách lập luận, đề tài, cách chọn lọc và sắp xếp thông tin, thái độ và quan điểm người viết;...

Vận dụng: Nhận xét, đánh giá về giá trị và sự tác động của VB đối với bản thân; Thể hiện cảm xúc đối với những vấn đề được đặt ra trong VB; Liên hệ, so sánh giữa các VB và giữa VB với đời sống.

- Đánh giá được cách ĐH VB. Trước hết, cần lựa chọn ngữ liệu và biên soạn các câu câu hỏi, bài tập phù hợp với mục tiêu đánh giá. Ngữ liệu phải chứa đựng nội dung cần đánh giá, có tính chính xác, thẩm mỹ, phù hợp với tâm lí lứa tuổi và khả năng đọc của HS. Ngữ liệu là các VB mới, phong phú về nội dung (thuyết minh về một sự kiện lịch sử, giới thiệu về một trò chơi, giải thích một hiện tượng tự nhiên, xã hội, giới thiệu về một danh lam thắng cảnh/di tích lịch sử, bài phỏng vấn...), đa dạng trong cách thức cấu tạo (VB gồm: Kênh chữ và hình ảnh; Kênh chữ, hình ảnh và

lược đồ; Kênh chữ, kí hiệu, sơ đồ...). Hệ thống câu hỏi/bài tập gồm ba mức độ: Nhận biết, thông hiểu, vận dụng như đã trình bày ở trên.

2.2.2. Bảo đảm các yêu cầu của dạy học đọc hiểu văn bản đa phương thức

Ngoài việc đáp ứng các yêu cầu ĐH một VB nói chung đã nêu, việc dạy ĐH VB đa phương thức còn phải chú ý một số yêu cầu sau:

a. Chú ý đặc điểm hình thức của VB thông tin

Các yếu tố hình thức tổ chức VB nhằm giúp các ý tưởng và thông tin chính trở nên rõ ràng dễ hiểu. Đặc điểm hình thức của VB thông tin thường bao gồm các yếu tố như: Nhan đề, tiêu mục, tiêu đề, loại chữ đậm, các kí hiệu gạch đầu dòng và số thứ tự, các công cụ hỗ trợ đồ họa, như biểu đồ, đồ thị, hình minh họa và ảnh... Các đặc điểm này giúp người đọc tìm thông tin chính của VB thông tin một cách rõ ràng, sáng sủa. Chẳng hạn: Nhan đề thường giúp ta xác định chủ đề của VB; Sapô (chapeau, tiếng Pháp) của bài viết: Là đoạn tóm tắt nội dung chính của toàn bộ VB thường in đậm ở đầu bài viết (còn gọi là mũ); Tiêu mục (heading), hoặc tiêu mục (subheading) thường bắt đầu một chủ đề hay một phần mới cũng như trọng tâm của phần ấy...

b. Đặc điểm nhìn từ các dạng thức (forms) của văn bản thông tin

Với các đặc điểm về cấu trúc hình thức và mô hình trình bày, VB thông tin được vận dụng dưới rất nhiều dạng thức:

Bài báo, tạp chí: Đây là các dạng VB thông tin rất phổ biến, thường xuyên được mọi người đọc, xem nhanh hàng ngày cả báo giấy lẫn báo điện tử. Ở các VB báo chí, người viết thường sử dụng các thiết bị để gây sự chú ý.

Tài liệu giáo khoa trong nhà trường cũng thuộc dạng thức của VB thông tin, một tập hợp các VB thông tin, có hệ thống tổ chức riêng dựa trên nội dung trong sách. Thông thường, một đơn vị giới thiệu sẽ giải thích về tổ chức cuốn sách và các tính năng đặc biệt.

Các văn bản dùng tại các cửa hàng mua bán, tiêu dùng là những VB tiêu dùng đi kèm với sản phẩm và dịch vụ. Các VB này thường cung cấp thông tin về việc sử dụng, chăm sóc, vận hành hoặc lắp ráp các sản phẩm. Một số VB tiêu dùng phổ biến như hợp đồng, bảo hành, hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn, tài liệu và trang web.

Các văn bản dùng nơi công cộng, công sở là các VB được viết cho công chúng để cung cấp thông tin được nhiều người quan tâm. Những VB này thường miễn phí. Chúng có thể là tài liệu của các cơ quan nhà nước, chính quyền các cấp. Chúng có thể là những bài diễn văn hoặc bài giới thiệu các di tích lịch sử. Chúng còn là các VB luật, các tờ đăng cảnh báo, dấu hiệu, hoặc nêu các quy tắc và quy định.

Các văn bản dùng ở nơi làm việc là các VB được sử dụng trong các cơ sở sản xuất hoặc nơi làm việc, thường là để hỗ trợ cho hoạt động của một doanh nghiệp. Đây có thể là các VB do một doanh nghiệp tạo ra để tự giám sát, chẳng hạn như biên bản cuộc họp hoặc báo cáo bán hàng. Những tài liệu này cũng có thể giải thích các chính sách của công ty,

cơ cấu tổ chức và quy trình vận hành. Tài liệu tại nơi làm việc bao gồm ghi nhớ, thư kinh doanh, đơn xin việc và sơ yếu lí lịch.

c. Chú ý khai thác vai trò, tác dụng các yếu tố khác với VB thông thường

VB thông thường được hiểu là VB có một phương thức cấu tạo là kênh chữ nên việc ĐH loại VB này cần tập trung khai thác vai trò của ngôn ngữ: Từ vựng, cấu trúc cú pháp, các phương tiện liên kết VB... Trong khi đó, VB đa phương thức được tạo thành nhờ sự kết hợp của nhiều phương thức biểu đạt nên quá trình HS ĐH VB đa phương thức là quá trình người học “giao tiếp” với các hệ thống kí hiệu khác nhau bên cạnh hệ thống kí hiệu ngôn ngữ thông thường. Vì vậy, khi dạy HS đọc VB đa phương thức, GV cần hướng dẫn các em biết cách phát hiện, phân tích nghĩa của các hệ thống kí hiệu trong VB thông qua những dấu hiệu đặc trưng của VB. Trong bài viết, chúng tôi tập trung tìm hiểu VB đa phương thức có sự kết hợp giữa kênh chữ và kênh hình tĩnh. Theo đó, các phương thức biểu đạt trong loại VB đa phương thức này bao gồm các thuộc tính cụ thể sau: Ngôn ngữ gồm từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, dấu câu, cỡ chữ, kiểu chữ, nhan đề VB, tiêu đề các tiêu mục, lời chú thích dưới các hình ảnh... Hình ảnh gồm sự vật, đường nét, bố cục, màu sắc, kí hiệu, mũi tên, sơ đồ, bảng biểu, đồ thị, biểu đồ...

Với kênh chữ, người đọc sẽ chú ý đến nhan đề, các từ ngữ quan trọng (in đậm, in nghiêng, gạch dưới), lời chú thích dưới các hình vẽ, bảng biểu. Mỗi yếu tố của kênh chữ trong VB đều có vai trò nhất định. Tiêu đề giúp người đọc hiểu chủ đề của VB, ước đoán được nội dung chính của VB. Những chữ in đậm, in nghiêng, tô màu, gạch chân... hiểu đây là những từ ngữ quan trọng, cần chú ý. Lời chú thích dưới các hình vẽ, bảng biểu giúp người đọc hiểu được điều gì được trình bày trong các hình vẽ, bảng biểu. Với kênh hình, hình ảnh (ảnh chụp, ảnh vẽ) giúp hiểu chính xác sự vật, sự việc trông như thế nào? Sơ đồ giúp người đọc hiểu các thông tin đã được đơn giản hóa, hiểu các bước, quá trình cấu tạo hay hoạt động của sự vật, hiểu trình tự của sự kiện. Biểu đồ, đồ thị, bảng biểu giúp hiểu mối liên hệ giữa các yếu tố; dễ dàng tóm tắt và so sánh các thông tin. Bản đồ biết sự vật ở đâu hay sự việc diễn ra ở đâu? Các đường chỉ dẫn giúp người đọc đi đúng trình tự diễn ra của sự vật, hiện tượng. Các kí hiệu hiểu thêm tính chất của các thông tin.

d. Chú ý mối quan hệ giữa các kênh biểu đạt (chữ và hình)

Trong một VB đa phương thức hoàn chỉnh, chữ viết và hình ảnh có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Mỗi yếu tố có một vị trí nhất định, nếu thiếu kênh chữ hoặc kênh hình người đọc đều không hiểu được trọn vẹn nội dung của VB. Nghiên cứu về mối quan hệ giữa các kênh biểu đạt (chữ và hình), Len Unsworth (2006) đã tổng hợp các quan niệm của nhiều nhà nghiên cứu và đưa ra kết luận: Hình ảnh và kênh chữ có ba mối quan hệ như sau:

Hình ảnh và phần lời/chữ bổ sung ý nghĩa cho nhau: Hình ảnh mở rộng cho phần lời/chữ; Lời/chữ mở rộng cho hình ảnh.

Hình ảnh đồng nhất với VB: Sự đồng nhất về ý tưởng. Lời nói và hình ảnh trực quan tạo ra hiệu ứng tổng lớn hơn sự đóng góp của từng phương thức (Royce, 1998). Hình ảnh minh họa cho phần chữ góp phần tăng hiểu biết nhiều hơn tổng ý nghĩa của phần lời hoặc phần hình ảnh: Hình ảnh là ví dụ minh họa cho phần lời/chữ; Lời/chữ minh họa cho hình ảnh.

Hình ảnh kết nối với phần lời/chữ: Có hai loại kết nối giữa hình ảnh và VB. Đầu tiên, trong số này được gọi là phản chiếu và phổ biến nhất liên quan đến việc trích dẫn hoặc trình bày lời nói hoặc suy nghĩ. Loại kết nối thứ hai liên quan đến mối quan hệ liên hợp: quan hệ nhân quả, quan hệ thời gian, quan hệ không gian [5, tr.67]. Theo đó, người học cần căn cứ vào nội dung của mỗi kênh biểu đạt để từ đó xác định được mối quan hệ giữa kênh hình với kênh chữ

trong VB đa phương thức.

3. Kết luận

Trong sách giáo khoa Ngữ văn mới, các VB ĐH sẽ được xây dựng một cách đa dạng, phong phú về hình thức và nội dung. Không chỉ có các VB đơn phương thức mà còn có sự xuất hiện của các VB đa phương thức (VB có cấu tạo từ hai phương tiện trở lên). Vì vậy, việc tổ chức dạy học ĐH loại VB này như thế nào là yêu cầu đặt ra đối với GV khi thực hiện chương trình, sách giáo khoa Ngữ văn mới. Để đạt được mục tiêu đó, trước hết, mỗi thầy, cô giáo dạy học Ngữ văn cần nắm vững đặc điểm của VB đa phương thức và yêu cầu dạy học ĐH loại VB này, từ đó lựa chọn được những phương pháp dạy học phù hợp nhằm hình thành cho người học kỹ năng ĐH VB đa phương thức.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể*, Hà Nội.
- [2] Trần Đình Sử, (2008), *Dạy học Văn là dạy học sinh đọc hiểu văn bản*, Thiết kế bài dạy Ngữ văn trung học phổ thông, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Trọng Hoàn, (2010), *Hình thành năng lực đọc cho học sinh trong dạy học Ngữ văn*, Thiết kế bài dạy Ngữ văn Trung học phổ thông, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [4] Phạm Thị Thu Hiền, (2014), *Luận án Tiến sĩ So sánh văn đề đọc hiểu văn bản trong chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn của Việt Nam và một số nước trên thế giới*, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- [5] <http://education.waikato.ac.nz/research/files/etpc/2006v5n1art4.pdf> (*Towards a metalanguage for multiliteracies education: Describing the meaning-making resources of language-image interaction*, Len Unsworth).
- [6] Nguyễn Thị Hồng Nam - Dương Thị Hồng Hiếu, (2016), *Giáo trình phương pháp dạy đọc văn bản*, NXB Đại học Cần Thơ.
- [7] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*, Hà Nội.

THE REQUIREMENTS OF TEACHING MULTI-MODAL TEXT READING COMPREHENSION IN LITERATURE SUBJECT

Tran Thi Ngoc

Thai Nguyen University of Education
20 Luong Ngoc Quyen, Thai Nguyen city,
Thai Nguyen province, Vietnam
Email: tranngoc1512288@gmail.com

ABSTRACT: *The paper addresses the problem of teaching multi-modal text reading comprehension in Literature subject. In the article, the author points out: 1/ Characteristics of multimodal documents; 2/ The requirement of teaching multimodal text literacy, which includes both the general requirements of teaching text literacy and the specific requirements of multi-modal text literacy teaching. In order to effectively implement the new general education curriculum on Literature subject, each teacher needs to understand the characteristics as well as the requirements of multi-modal text literacy teaching.*

KEYWORDS: Text; multi-modal text; requirements; teaching reading comprehension.